



YẾU TỐ ĐỊA LÝ CỦA QUYỀN LỰC TQ: TQ CÓ THỂ VƯƠN XA TỚI Đâu TRÊN BIỂN VÀ ĐẤT LIỀN?

Nguồn: Robert D. Kaplan (2010). “The Geography of Chinese Power: How Far Can Beijing Reach on Land and at Sea”. *Foreign Affairs*, Vol. 89, No. 3 (May/June), pp. 22-41.

Biên dịch: Nguyễn Thị Nhung | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

Năm 1904, nhà địa lý người Anh, Sir Halford Mackinder đã kết thúc bài viết nổi tiếng "The Geographical Pivot of History" ["Trục địa lý của lịch sử"] của mình bằng một liên hệ đáng ngại về trường hợp Trung Quốc. Sau khi giải thích tại sao lục địa Á-Âu chính là trục địa chiến lược của quyền lực thế giới, ông đã cho rằng Trung Quốc, một khi mở rộng sức mạnh của mình vượt ra ngoài biên giới, “có thể tạo thành mối hiểm họa da vàng cho tự do của thế giới, đơn giản vì Trung Quốc sẽ có thêm một vùng đại dương bổ sung cho nguồn tài nguyên của lục địa rộng lớn, một lợi thế mà nước Nga không may mắn có được trong khu vực trụ cột này.” Tạm gác lại giọng điệu phân biệt chủng tộc, vốn khá phổ biến trong thời kỳ đó, và cũng chưa xét đến sự hoảng loạn thường thấy mỗi khi đụng chạm đến sự trỗi dậy của một cường quốc ngoài phương Tây, Mackinder đã nêu ra một lập luận hợp lý: Trong khi nước Nga, một người khổng lồ khác trên lục địa Á-Âu, xét về cơ bản đã, và vẫn đang, là một cường quốc trên đất liền với một mặt giáp đại dương bị băng đá Bắc Cực rào chặn, thì Trung Quốc với đường bờ biển ôn đới 9,000 dặm, nhiều cảng biển tự nhiên thuận lợi, lại là một cường quốc lục địa lẫn hải dương. (Thực ra, trong tác phẩm của mình, Mackinder đã lo ngại Trung Quốc một ngày nào đó sẽ thôn tính cả nước Nga). Tầm vóc của Trung Quốc trải dài từ vùng Trung Á giàu khoáng sản và khí đốt đến những tuyến đường hàng hải trên Thái Bình Dương. Sau này, trong cuốn “*Democratic Ideals and Reality*” [Các lý tưởng và thực tế dân chủ], Mackinder đã dự đoán cùng với Mỹ và Vương quốc Anh, Trung Quốc cuối cùng sẽ dẫn dắt thế giới bằng việc “xây dựng một nền văn minh mới cho một phần tư nhân loại, không thực sự phương Đông, cũng không giống phương Tây.”

Vị trí đặc địa của Trung Quốc là một lợi thế rõ ràng và hiển nhiên đến nỗi nó thường bị bỏ qua trong những thảo luận về sự bùng nổ kinh tế hay cách hành xử quyết liệt của quốc gia này. Nhưng yếu tố này thực sự rất quan trọng: nó đồng nghĩa với việc Trung Quốc sẽ luôn án ngữ ở vị trí trục trung tâm địa chính trị ngay cả khi con đường tiến lên vị thế cường quốc toàn cầu của nước này không hoàn toàn suôn sẻ. (Chỉ số tăng trưởng GDP của Trung Quốc vẫn đều đặn ở mức hơn 10% mỗi năm trong suốt hơn 30 năm qua, nhưng mức tăng này chắc chắn khó có thể duy trì thêm trong 30 năm nữa.) Trung Quốc là sự pha trộn giữa tính hiện đại hết mực mang phong cách phương Tây với một “nền văn minh thủy lợi” (“hydraulic civilization” – một thuật ngữ do nhà sử học Karl Wittogel đề ra, dùng để mô tả những xã hội thực hiện việc quản lý tập trung nguồn nước tưới tiêu nông nghiệp)¹, gợi cho ta nhớ đến phương Đông cổ xưa, thời chế độ cai trị nhờ có trong tay quyền lực tập trung có thể tuyển mộ hàng vạn dân phu xây dựng các cơ sở hạ tầng thiết yếu. Chính điều này đã tạo cho Trung Quốc khả năng tăng trưởng không ngừng nghỉ mà tất cả các nền dân chủ, với bản tính hay trì hoãn trong các quyết định, đều không thể làm được. Khi các nhà lãnh đạo mang danh nghĩa Cộng sản của Trung Quốc, những người kế tục di sản của 25 vương triều trong 4.000 năm lịch sử, tiếp thu công nghệ và thực tiễn phương Tây, họ đã đưa chúng vào một hệ thống văn hóa tinh vi và quy củ, vốn từng có nhiều kinh nghiệm độc đáo khác nhau, trong đó có việc thiết lập các mối quan hệ mẫu quốc-chư hầu với các quốc gia khác. Như lời của một quan chức Singapore từng nói với tôi hồi đầu năm: “Người Trung Quốc quỳn rũ anh khi họ muốn, bóp nghẹt anh khi họ cần, và họ làm vậy một cách có hệ thống.”

Động lực trong nước của Trung Quốc làm nảy sinh những tham vọng với thế giới bên ngoài. Các đế quốc hiếm khi xuất hiện theo dự tính chủ quan mà thường từng bước phát triển một cách tự nhiên. Khi một quốc gia lớn mạnh, họ sẽ nảy sinh những nhu cầu và, nghe có vẻ phi lý, là cả những nỗi sợ hãi mới, những thứ sẽ khiến họ buộc phải bành trướng dưới nhiều hình thức. Ví dụ như nước Mỹ, ngay cả khi chịu sự lãnh đạo của những vị tổng thống kém cỏi nhất như Rutherford Hayes, James Garfield, Chester Arthur, Benjamin Harrison, thì nền kinh tế nước này những năm cuối thế kỷ XIX vẫn âm thầm tăng trưởng đều đặn. Khi có quan hệ thương mại ngày càng gắn kết với thế giới bên ngoài, Mỹ dần phát triển những lợi ích kinh tế và chiến lược phức tạp ở những vùng đất xa xôi. Và không ít lần, những lợi ích tại các khu vực như Nam Mỹ hay Thái Bình Dương đã trở thành cái cớ để triển khai các hành động quân sự. Trong giai đoạn này, Mỹ cũng bắt đầu tập trung ra thế giới bên ngoài khi các vấn đề trong nước đã được củng cố; trận đánh lớn cuối cùng trong các cuộc Chiến tranh với người da đỏ thực tế đã diễn ra năm 1890.

¹ Theo Karl Wittogel, bất cứ một nền văn minh nào có hệ thống nông nghiệp đều dựa vào cấu trúc thủy lợi rộng lớn do chính quyền điều hành độc quyền. Việc cung cấp nước đầy đủ (cho tưới tiêu) và khả năng bảo vệ mùa màng (khỏi lũ lụt) mang lại quyền lực tuyệt đối cho chính quyền đối với nền kinh tế và từ đó là cả xã hội nông nghiệp). Cụm từ này dùng để nói về các nền văn minh như Ai Cập, Lương Hà, Trung Hoa..., để phân biệt với phương Tây - ND.

Trung Quốc ngày nay cũng đang củng cố các đường biên giới trên đất liền và bắt đầu chuyển hướng ra bên ngoài. Những tham vọng trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc quyết liệt không kém của Mỹ hơn một thế kỷ trước, nhưng lại có mục tiêu hoàn toàn khác. Trung Quốc không mang trên vai sứ mệnh truyền bá giá trị nào khi đến với thế giới, không tìm cách phổ cập bất kỳ hệ tư tưởng hay chế độ chính quyền nào. Thúc đẩy giá trị đạo đức trong các vấn đề quốc tế là mục tiêu của người Mỹ, không phải của Trung Quốc. Bánh lái cho những hoạt động của Trung Quốc ở nước ngoài chính là nhu cầu quốc gia về năng lượng, quặng kim loại, và những khoáng sản chiến lược giúp đảm bảo mức sống đang ngày một cao của một số dân không lồ, chiếm khoảng một phần năm tổng dân số toàn cầu của nước này.

Để hoàn thành trọng trách này, Trung Quốc đã thiết lập các mối quan hệ có lợi với các láng giềng xung quanh cũng như những vùng đất xa xôi, giàu tài nguyên cần thiết để tiếp năng lượng cho sức phát triển trong nước. Do luôn đặt lợi ích quốc gia cốt lõi - ở đây là sự tồn tại của nền kinh tế - làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động ở nước ngoài, Trung Quốc có thể được coi là một cường quốc thực dụng cực đoan. Người Trung Quốc tìm mọi cách tăng cường hiện diện trên khắp các khu vực tại Châu Phi - những nơi được thiên nhiên ban tặng nguồn dầu mỏ và khoáng sản trù phú; luôn muốn đảm bảo quyền tiếp cận các bến cảng trên khắp Ấn Độ Dương và Biển Đông - những vùng biển kết nối thế giới Á rập giàu khí đốt với bờ biển Trung Quốc. Không quá kén chọn, Bắc Kinh cũng chẳng quan tâm đến chế độ mình đang tham gia hợp tác thuộc loại nào. Điều nước này cần là tính ổn định, không phải đạo đức như tiêu chuẩn của phương Tây. Và trong các chế độ đó, có một số nước - như Iran, Myanmar và Sudan - đang bị cô lập và cai trị bởi chế độ chuyên chế. Điều này đã khiến Trung Quốc, trong cuộc săn lùng tài nguyên trên toàn thế giới, vấp phải xung đột với nước Mỹ vốn có xu hướng truyền bá giá trị, cũng như với những quốc gia có vùng ảnh hưởng bị Trung Quốc vô tình đụng chạm như Ấn Độ và Nga.

Tất nhiên, Trung Quốc không phải là mối nguy hiểm cho sự sống còn của các quốc gia này. Khả năng bùng nổ chiến tranh giữa Trung Quốc và Mỹ vẫn còn xa vời, và Trung Quốc chưa thể là mối đe dọa quân sự trực tiếp đối với Mỹ. Không kể đến những vấn đề như nợ, thương mại hay khí hậu ám lên toàn cầu..., thách thức Trung Quốc đặt ra đối với Mỹ chủ yếu là về mặt địa lý. Vùng ảnh hưởng của Trung Quốc đang dần mở rộng ở lục địa Á - Âu và Châu Phi, dù không mang tính chất đế quốc thời thế kỷ XIX nhưng lại theo cách tinh vi hơn, phù hợp hơn với thời đại toàn cầu hóa. Đơn giản chỉ bằng cách bảo đảm nhu cầu kinh tế trong nước, Trung Quốc đang dần xoay chuyển cân bằng quyền lực trên Đông bán cầu, và điều này hẳn phải khiến Mỹ hết sức quan ngại. Sẵn có vị trí thuận lợi, Bắc Kinh đang mở rộng ảnh hưởng cả trên đất liền và trên biển, từ vùng Trung Á đến Biển Đông, từ vùng Viễn đông Nga xuống Ấn Độ Dương. Trung Quốc là một cường quốc lục địa đang vươn dậy, và, như câu nói nổi tiếng của Napoleon, các chính sách của các quốc gia như vậy bắt nguồn từ chính những đặc điểm địa lý của chúng.

Hội chứng biên giới nhạy cảm

Tân Cương và Tây Tạng là hai khu vực chính trong lãnh thổ Trung Quốc nơi cư dân bản địa luôn kháng cự sức ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa. Điều này khiến hai vùng đất này trở thành tài sản mang tính đế quốc của Bắc Kinh. Thêm vào đó, những căng thẳng sắc tộc tại những khu vực này đang làm phức tạp hóa quan hệ giữa Bắc Kinh với các nước lân cận.

“Tân Cương”, tên của tỉnh cực Tây của Trung Quốc, có nghĩa là “biên cương mới”, dùng để chỉ vùng Turkestan rộng lớn với diện tích gấp đôi bang Texas (Mỹ) và nằm cách xa khu vực địa trung tâm của Trung Quốc qua Sa mạc Gobi. Trung Quốc đã là một nhà nước dưới hình thức này hay hình thức khác từ hàng ngàn năm nay, nhưng chỉ đến cuối thế kỷ XIX thì Tân Cương mới chính thức trở thành một phần của nhà nước đó. Kể từ đó, lịch sử của tỉnh này đã “luôn chìm trong bất ổn” như lời mô tả của nhà ngoại giao người Anh Sir Fitzroy Maclean, với những cuộc nổi loạn và nhiều giai đoạn tự trị độc lập ngắt quãng cho tới những năm 1940. Đến năm 1949, Quân đội Giải phóng Nhân dân của Mao Trạch Đông đã tiến vào Tân Cương, dùng vũ lực để sáp nhập tỉnh này với phần còn lại của Trung Quốc. Nhưng trong thời gian gần đây, điển hình vào năm 1990 và một lần nữa là vào năm 2009, tộc người Uighur (Duy Ngô Nhĩ), hậu duệ của người Turk từng thống trị Mông Cổ trong thế kỷ VII-VIII, đã nổi dậy chống lại chính quyền Bắc Kinh.

Dân tộc Uighur có khoảng tám triệu người, chưa bằng 1% dân số Trung Quốc, nhưng chiếm tới 45% số dân tỉnh Tân Cương. Người Hán với số lượng áp đảo trên cả nước sống tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng đất thấp tại khu vực trung tâm và vùng duyên hải ven Thái Bình Dương, trong khi những cao nguyên khô cằn hơn ở phía Tây và Tây Nam là nơi trú ngụ lâu đời của dân tộc thiểu số Uighur và Tây Tạng. Sự phân bố dân cư này vẫn luôn là nguồn gốc cho những căng thẳng, bởi trong mắt Bắc Kinh, chính quyền Trung Quốc hiện nay cần phải áp đặt quyền thống trị tuyệt đối lên các khu vực cao nguyên này. Để giữ được những khu vực này, và cả nguồn dầu mỏ, khí đốt, quặng đồng và sắt dưới lòng đất tại đây, trong nhiều thập kỷ Bắc Kinh đã đưa người Hán di cư từ khu vực trung tâm sang sống cùng người bản địa. Chính quyền cũng lôi kéo quyết liệt những nước cộng hòa độc lập của người Turk xung quanh trong khu vực Trung Á, một phần nhằm tách biệt người Uighur Tân Cương khỏi mọi nguồn hậu thuẫn khả dĩ.

Bắc Kinh còn lôi kéo các chính phủ Trung Á với mục đích mở rộng vùng ảnh hưởng của mình; dù biên giới Trung Quốc đã ăn sâu vào trong lục địa Á-Âu, nhưng vẫn chưa đủ so với cơn khát tài nguyên thiên nhiên của nước này. Thế lực của Bắc Kinh tại Trung Á thể hiện ở hai đường ống dẫn lớn sắp hoàn thiện nối đến Tân Cương: một đường để vận chuyển dầu mỏ từ Biển Caspi chạy dọc qua Kazakhstan, ống còn lại để chuyển khí đốt từ Turkmenistan bắc qua Uzbekistan và Kazakhstan. Cơn khát các nguồn tài nguyên thiên nhiên còn đồng nghĩa với việc Bắc Kinh sẵn sàng bất chấp những rủi ro lớn để bảo vệ chúng. Trung Quốc vẫn tiếp tục khai thác đồng ở Nam Kabul, nằm ngay bên trong Afghanistan đầy khói lửa, và đang để mắt tới những mỏ sắt, vàng, uranium và những loại đá

quý khác (khu vực này sở hữu một vài khu mỏ cuối cùng chưa được khai thác của thế giới). Bắc Kinh cũng có ý định xây dựng tuyến đường bộ và ống dẫn năng lượng xuyên Afghanistan và Pakistan, từ đó kết nối vùng ảnh hưởng đang ngày càng mở rộng ở Trung Á với những cảng biển trên Ấn Độ Dương. Điều kiện địa lý chiến lược của Trung Quốc sẽ được củng cố nếu Mỹ ổn định được Afghanistan.

Giống như Tân Cương, Tây Tạng có vị trí hết sức quan trọng trong nhận thức lãnh thổ của Trung Quốc, khu vực này cũng có ảnh hưởng không nhỏ đến quan hệ đối ngoại của Trung Quốc. Vùng cao nguyên Tây Tạng, với địa hình đồi núi, giàu quặng đồng và sắt, chiếm một diện tích lớn lãnh thổ Trung Quốc. Đây chính là nguyên nhân khiến Bắc Kinh luôn sợ hãi viễn cảnh về một Tây Tạng tự trị, chưa nói đến độc lập, và cũng là lý do chính quyền vội vàng cho xây dựng đường sá và các tuyến đường sắt trên khắp khu vực. Nếu không sở hữu Tây Tạng, Trung Quốc sẽ chỉ còn là một quốc gia nhỏ bé với phần diện tích còn lại không đáng kể, còn Ấn Độ có thể bổ sung thêm một vùng phía bắc vào cơ sở quyền lực địa của mình.

Với hơn một tỷ dân, Ấn Độ như một hàng rào vững chắc, án ngữ một vùng ảnh hưởng của Trung Quốc ở Châu Á. Điều này đã được chỉ rõ trong tám bản đồ “Đại Trung Hoa” trong cuốn *“The Grand Chessboard”* [Bàn cờ lớn] của Zbigniew Brzezinski năm 1997. Ở một mức độ nào đó, yếu tố địa lý đã sắp đặt Trung Quốc và Ấn Độ trở thành kỳ phùng địch thủ: là láng giềng kề cận với dân số khổng lồ, cùng sở hữu nền văn hóa phong phú lâu đời, và đều có tranh chấp tuyên bố chủ quyền (điển hình như khu vực Arunachal Pradesh [Nam Tây Tạng] của Ấn Độ). Vấn đề Tây Tạng chỉ như đổ thêm dầu vào lửa. Ấn Độ đang cho phép chính quyền lưu vong của Đạt Lai Lạt Ma tị nạn từ năm 1957, và theo như Daniel Twining, ủy viên cấp cao của Quỹ Marshall Đức (German Marshall Fund), những căng thẳng biên giới Ấn-Trung gần đây có thể “liên quan đến những lo ngại của Bắc Kinh về vấn đề kế tục Đạt Lai Lạt Ma”. Vị Đạt Lai Lạt Ma tiếp theo có khả năng đến từ vùng vành đai văn hóa Tây Tạng, khu vực trải dài từ miền Bắc Ấn Độ, Nepal đến Bhutan. Do đó ông có khả năng sẽ ủng hộ Ấn Độ và chống Trung Quốc (thân Ấn bài Trung) mạnh mẽ hơn. Trong tương lai, “cuộc chơi lớn” giữa Trung Quốc và Ấn Độ sẽ không chỉ diễn ra những khu vực này mà còn ở Bangladesh và Sri Lanka. Vị trí địa lý của Tân Cương và Tây Tạng rơi vào trong đường biên giới hợp pháp của Trung Quốc, nhưng dựa trên mối quan hệ không mấy êm đẹp giữa chính quyền trung ương với người bản xứ ở hai tỉnh, có thể thấy Bắc Kinh chắc chắn sẽ không tránh khỏi thái độ chống đối khi mở rộng tầm ảnh hưởng ra bên ngoài phạm vi các khu vực nơi có người Hán chiếm đa số.

Kiểm soát từng bước

Ngay cả khi đã củng cố vùng biên cương, hình dáng của Trung Quốc vẫn mang nét chưa được hoàn thiện và dễ bị tổn thương, như thể ai đó đã cắt xén vài phần lãnh thổ của Đại

Trung Hoa xưa kia. Đường biên giới phía bắc của Trung Quốc bao quanh Mông Cổ, một vùng đất đai khổng lồ như từng bị xé ra khỏi cái lưng của Trung Quốc. Mông Cổ là quốc gia có mật độ dân số thấp nhất thế giới và giờ đây đang bị nền văn minh đô thị của người láng giềng Trung Quốc đe dọa về mặt nhân khẩu. Từng một lần xâm chiếm thành công Ngoại Mông để dọn đường tiến vào vùng đất trù phú, Bắc Kinh hiện nay đã sẵn sàng chờ thời cơ để quay lại chinh phục Mông Cổ lần nữa, theo một cách khác, để thỏa cơn khát dầu mỏ, than đá, uranium và cả những đồng cỏ hoang vu và màu mỡ. Các công ty khai khoáng của Trung Quốc vẫn đang tìm kiếm cổ phần lớn trong những tài sản dưới lòng đất của Mông Cổ. Quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa thiếu kiểm soát đã biến Trung Quốc thành thị trường tiêu thụ lớn hàng đầu thế giới của các mặt hàng như aluminum, đồng, chì, niken, kẽm và quặng sắt, với mức tiêu thụ tăng từ 10% lên đến 25% thị phần kim loại thế giới kể từ cuối những năm 1990. Với Tây Tạng, Ma Cao và Hong Kong đã nằm trong tay chính quyền trung ương, những giao dịch của nước này với Mông Cổ sẽ trở thành thước đo để đánh giá mức độ của tham vọng đế quốc mà Bắc Kinh đang nung nấu.

Nằm ở phía bắc Mông Cổ và giáp ranh với ba tỉnh đông bắc Trung Quốc là khu vực Viễn Đông của Nga, vùng đất hoang vu, băng giá, có diện tích gấp đôi Châu Âu trong khi dân cư ngày một thưa thớt. Nước Nga mở rộng biên giới của mình đến khu vực này từ thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, giai đoạn Trung Quốc còn đang suy yếu. Nhưng giờ đây, Trung Quốc đã trở thành cường quốc, còn ở phía Nga, không đâu trên lãnh thổ quốc gia, quyền lực của chính quyền lại yếu như ở một phần ba lãnh thổ nằm ở phía đông này. Ở ngay bên kia biên giới của chưa đến 7 triệu người Nga vùng Viễn Đông (thậm chí đến năm 2015 có thể giảm xuống còn 4.5 triệu) là hơn 100 triệu dân của ba tỉnh tiếp giáp của Trung Quốc, nghĩa là mật độ dân số ở phía Trung Quốc cao gấp 62 lần so với phía Nga. Dòng di dân từ Trung Quốc vẫn đang đổ sang Nga, định cư đông đúc ở thành phố trung tâm Chita, phía Bắc Mông Cổ, và sống rải rác ở những nơi khác trong vùng. Tìm kiếm tài nguyên là mục tiêu hàng đầu của chính sách đối ngoại Trung Quốc khắp mọi nơi, trong khi đó vùng Viễn Đông thưa thớt của Nga lại đang sở hữu những mỏ khí đốt, dầu mỏ, gỗ, kim cương và vàng. David Blair, phóng viên thường trú cho tờ *Daily Telegraph* của London trong bài viết gần đây đã cho biết “Moscow đang hết sức cảnh giác với số lượng lớn những người di cư Trung Quốc đổ vào khu vực này, mang theo những công ty khai thác khoáng sản và gỗ”.

Cũng như với Mông Cổ, nỗi sợ của người Nga không phải là một ngày nào đó Trung Quốc sẽ đưa quân xâm lược hoặc chính thức thôn tính vùng Viễn Đông Nga, mà là quyền lực kiểm soát của Bắc Kinh về dân cư và doanh nghiệp đang từng bước lặn lẽ bao phủ khu vực này (trong lịch sử, Trung Quốc đã từng có thời gian ngắn nắm giữ quyền lực tại đây trong thời kỳ nhà Thanh). Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, do những tranh chấp biên giới giữa Liên Xô và Trung Quốc, hàng trăm ngàn binh lính đã được đưa đến vùng Siberi xa xôi này và đã có lúc cuộc đối đầu bị đẩy đến mức xung đột nóng. Đến cuối thập niên 1960, những căng thẳng này đã làm rạn vỡ quan hệ Xô-Trung. Yếu tố địa lý gần kề có thể gây chia

rẽ Trung Quốc và Nga, bởi quan hệ đồng minh hiện nay giữa hai bên chỉ đơn thuần bắt nguồn từ những tính toán sách lược. Điều này có thể có lợi cho Mỹ. Vào những năm 1970, chính quyền Nixon đã từng lợi dụng mối bất hòa giữa Bắc Kinh và Moscow để đặt quan hệ hợp tác với Trung Quốc. Trong tương lai, khi Trung Quốc trở thành một cường quốc lớn hơn, sẽ không ngạc nhiên khi Mỹ bắt tay với Nga thành một khối đồng minh chiến lược nhằm tạo thế cân bằng với “Vương quốc trung tâm”.

Phương Nam hứa hẹn

Tầm ảnh hưởng của Trung Quốc cũng đang dần lan rộng xuống phía Đông Nam. Thực ra, do các quốc gia Đông Nam Á đều không mạnh nên đây là khu vực kháng cự yếu nhất trước sự trỗi dậy của một Đại Trung Hoa. Về địa lý, Trung Quốc gần như không gặp cản trở nào với Việt Nam, Lào, Thái Lan và Myanmar. Trung tâm ảnh hưởng tự nhiên của vùng Sông Mekong, nơi kết nối tất cả các nước Đông Dương bằng đường bộ và đường sông, là Côn Minh, thủ phủ tỉnh Vân Nam của Trung Quốc.

Quốc gia có diện tích lớn nhất trên vùng lục địa của Đông Nam Á là Myanmar. Nếu như Pakistan được ví là Balkans của Châu Á do luôn có nguy cơ bị chia cắt lãnh thổ, thì Myanmar lại giống như nước Bỉ thời đầu thế kỷ XX khi luôn đứng trước mối đe dọa xâm lược từ những nước láng giềng hùng mạnh hơn. Giống như Mông Cổ, miền Viễn Đông Nga và những vùng lãnh thổ giáp khu vực biên giới Trung Quốc, Myanmar cũng là một quốc gia yếu với nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú mà Trung Quốc đang thèm khát. Trung Quốc và Ấn Độ đang cạnh tranh phát triển cảng nước sâu ở Sittwe, nằm trên bờ biển Ấn Độ Dương của Myanmar, với cùng một hy vọng trong tương lai sẽ có thể xây dựng đường ống dẫn ga nối vào từ các mỏ khai thác ngoài khơi vịnh Bengal.

Với cả khu vực nói chung, Bắc Kinh đang áp dụng chiến thuật “chia để trị” (divide-and-conquer) trong một số lĩnh vực. Trong quá khứ, Trung Quốc đã đàm phán riêng rẽ với từng thành viên trong ASEAN (Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á) thay vì với tất cả các quốc gia theo tư cách một khối chung. Ngay cả hiệp định thành lập khu vực tự do thương mại chính thức với ASEAN gần đây cũng cho thấy cách thức Trung Quốc sẽ tiếp tục áp dụng để phát triển những mối quan hệ có lợi với những người láng giềng phía nam. Quốc gia này sử dụng ASEAN như một thị trường tiêu thụ những mặt hàng giá trị cao sản xuất trong nước đồng thời mua lại từ đây những sản phẩm nông nghiệp giá rẻ. Điều này đã mang về cho Trung Quốc thặng dư thương mại, trong khi biến các nước ASEAN dần trở thành bãi phế thải cho những sản phẩm công nghiệp sản xuất bởi nhân công giá rẻ của Trung Quốc.

Thực tế này đang diễn ra trong tình cảnh quốc gia hùng mạnh một thời Thái Lan, sau những rung chuyển do biến cố chính trị nội bộ gần đây, đang ngày càng mờ nhạt trong vai trò mỏ neo của khu vực và đối trọng cố hữu của Trung Quốc tại đây. Hoàng gia Thái, với vị vua già yếu, đã không đủ sức đóng vai lực lượng duy trì ổn định như trước kia, trong khi

giới quân sự Thái Lan đang bị tư tưởng bè phái thống trị. (Trung Quốc đang đẩy mạnh hợp tác quân sự song phương với Thái Lan đồng thời xây dựng những mối quan hệ tương tự với các nước Đông Nam Á khác, trong khi Mỹ ngày càng lo là các cuộc tập trận trong khu vực để dồn sức cho các cuộc chiến ở Afghanistan và Iraq.) Ở phía nam Thái Lan, cả Malaysia và Singapore đều chuẩn bị bước vào thời kỳ chuyển đổi dân chủ đầy thách thức khi những nhà lãnh đạo khai quốc công thần đầy quyền lực trước đây, Mahathir bin Mohamad và Lý Quang Diệu, rời khỏi sân khấu chính trị. Malaysia ngày càng dần sâu vào cái bóng kinh tế của Trung Quốc, cùng lúc dân số gốc Hoa tại đây cảm thấy bị đe dọa bởi người Malay Hồi giáo chiếm đa số. Singapore dù dân số hầu hết là người gốc Hoa nhưng chính phủ cũng đang lo ngại bị biến thành một nước chư hầu của Trung Quốc. Do đó, từ nhiều năm nay, đảo quốc này đã không ngừng chăm chú cho mối quan hệ về huấn luyện quân sự với Đài Loan. Lý Quang Diệu còn từng công khai thúc giục Mỹ tiếp tục can dự vào khu vực cả về quân sự lẫn ngoại giao. Về phần mình, Indonesia cũng đang bị mắc kẹt trong tình thế giữa một bên vẫn cần sự hiện diện của hải quân Mỹ để cản chân Trung Quốc, nhưng mặt khác lại lo sợ sẽ khiến phần còn lại của thế giới Hồi giáo nổi giận khi nước này có biểu hiện là đồng minh của Mỹ. Trước tình cảnh quyền lực của Mỹ tại Đông Nam Á đã bước qua thời hoàng kim, còn Trung Quốc đang trở dậy ngày một mạnh mẽ, các thành viên trong khu vực đang cùng bắt tay hợp tác chặt chẽ hơn nhằm làm suy yếu chiến lược “chia để trị”. Điển hình như Indonesia, Malaysia và Singapore đã liên kết thành một nhóm chống cướp biển. Các quốc gia này càng tự lực cánh sinh bao nhiêu, mối đe dọa từ quyền lực nổi lên của Trung Quốc đối với họ sẽ càng ít bấy nhiêu.

Về lục quân

Trung Á, Mông Cổ, vùng Viễn Đông Nga và Đông Nam Á là những khu vực ảnh hưởng tự nhiên của Trung Quốc. Nhưng những vùng biên giới chính trị ở đây lại không thể thay đổi. Trong khi đó, tình hình trên bán đảo Triều Tiên lại là một câu chuyện khác: về cơ bản, bản đồ Trung Quốc bị cắt cụt ngay tại khu vực này, và biên giới chính trị của bán đảo không quá khó để thay đổi.

Chế độ biệt lập của Bắc Triều Tiên vốn không ổn định từ trong gốc rễ, và sự sụp đổ của nó có thể ảnh hưởng đến toàn bộ khu vực. Với địa thế vươn ra từ Mãn Châu, bán đảo Triều Tiên kiểm soát toàn bộ giao thông hàng hải ra vào đông bắc Trung Quốc. Tất nhiên không ai thực sự tin rằng Trung Quốc sẽ thôn tính bất cứ phần nào của bán đảo Triều Tiên, nhưng Bắc Kinh vẫn luôn cảm thấy bất tiện khi bị lãnh thổ của quốc gia khác nằm chắn lối ở đó, nhất là phía bắc. Và mặc dù ủng hộ chế độ Stalin của Kim Jong Il, Trung Quốc cũng lên sẵn những kế hoạch cho tương lai thời hậu cầm quyền của Kim. Bắc Kinh mong muốn cuối cùng có thể đưa hàng ngàn người đào ngũ đang cư ngụ tại Trung Quốc về lại Bắc Triều Tiên để xây dựng nền tảng chính trị thuận lợi cho công cuộc chiếm quyền kiểm soát kinh tế từng bước của Bắc Kinh đối với khu vực sông Tumen [Đồ Môn]. Đây là ngã ba tự nhiên giữa

Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và Nga, đồng thời cũng là nơi có các cảng biển tốt nối với Nhật Bản trên Thái Bình Dương.

Vì lẽ này, có lẽ Bắc Kinh sẽ muốn chứng kiến một Bắc Triều Tiên độc tài phát triển hiện đại hơn nữa, để từ đó tạo thành một vùng đệm an toàn ngăn cách Trung Quốc với nền dân chủ hưng thịnh và năng động của Hàn Quốc. Tuy nhiên, ngay cả khi bán đảo Triều Tiên tái thống nhất, Trung Quốc vẫn được lợi. Dù một Triều Tiên thống nhất sẽ trở nên dân tộc chủ nghĩa hơn và giữ thái độ thù địch đối với cả Nhật Bản lẫn Trung Quốc, hai kẻ thù đã từng tìm cách xâm lược nước này trong quá khứ, nhưng thái độ thù địch của Triều Tiên với Nhật Bản nặng nề hơn rất nhiều so với phía Trung Quốc. (Nhật đã chiếm đóng bán đảo từ năm 1910 đến 1945, và đến nay Seoul và Tokyo vẫn còn tranh chấp chủ quyền trên quần đảo Tokdo/Takeshima). Quan hệ kinh tế với Trung Quốc sẽ khăng khít hơn so với Nhật Bản bởi nếu thống nhất, Triều Tiên sẽ gần như chắc chắn nằm dưới quyền điều hành của Seoul, trong khi hiện nay Trung Quốc đã là đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc. Cuối cùng, khi đã xích lại gần hơn với Bắc Kinh và xa rời Nhật Bản, nước Triều Tiên thống nhất sẽ chẳng có lý do gì để tiếp tục giữ chân quân Mỹ trong lãnh thổ của mình. Hay nói cách khác, không khó để nhìn ra viễn cảnh một Triều Tiên trong vòng tay của Đại Trung Hoa và thời kỳ hiện diện của bộ binh Mỹ ở Đông Bắc Á sẽ dần đi đến hồi kết.

Ví dụ trên bán đảo Triều Tiên đã cho thấy biên giới đất liền của Trung Quốc mang lại nhiều cơ hội tiềm năng hơn là mối đe dọa. Như Mackinder đã kết luận, Trung Quốc có khả năng sẽ phát triển thành một cường quốc cả trên biển và đất liền, ít nhất sẽ đủ sức làm lu mờ Nga tại khu vực lục địa Á-Âu. Nhà khoa học chính trị John Mearsheimer từng viết trong cuốn *"The Tragedy of Great Power Politics"* [Bi kịch của chính trị cường quốc]: "Những quốc gia nguy hiểm nhất trong hệ thống quốc tế là những cường quốc lục địa có trong tay lực lượng quân đội khổng lồ." Đây có thể là nguyên nhân chúng ta phải e ngại tầm ảnh hưởng của Trung Quốc, bởi quốc gia này đang ngày càng trở thành một cường quốc lục địa. Tuy nhiên, Trung Quốc chỉ khớp với mô tả của Mearsheimer một phần, vì dù quân đội quốc gia sở hữu đến 1.6 triệu binh lính, lực lượng này vẫn khó có thể phát triển được khả năng viễn chinh trong những năm tới. Quân đội Giải phóng Nhân dân (PLA) từng ứng phó với trận động đất Tứ Xuyên 2008, giải quyết vụ bạo động sắc tộc gần đây ở Tây Tạng và Tân Cương và cả thách thức an ninh từ Olympic Bắc Kinh 2008. Tuy nhiên, theo Abraham Denmark, thuộc Trung tâm An ninh Hoa Kỳ Mới [Center for a New American Security], những thành quả trên chỉ cho thấy PLA đủ khả năng di chuyển lực lượng trong phạm vi đại lục Trung Quốc, chứ vẫn chưa thể vận chuyển quân nhu và các loại vũ khí thiết bị hạng nặng ở một mức độ cần thiết cho các cuộc triển khai quân sự [ở nước ngoài]. Nhưng đạt được khả năng này hay không có lẽ cũng không quan trọng, vì dù sao việc PLA vượt qua biên giới Trung Quốc cũng khó có thể xảy ra trừ trường hợp có tính toán sai lầm (nếu có thêm một cuộc chiến tranh khác với Ấn Độ) hoặc khi cần lấp chỗ trống (nếu chế độ Bắc Triều Tiên sụp đổ). Trung Quốc vẫn có thể lấp đầy các khoảng trống quyền lực ở những vùng biên giới

tiếp giáp bằng những biện pháp dân số và đầu tư doanh nghiệp mà không cần dùng đến một lực lượng bộ binh viễn chinh theo sau bảo vệ.

Sức mạnh chưa từng thấy trên đất liền của Trung Quốc phần nào nhờ công đóng góp của các nhà ngoại giao, những người những năm gần đây luôn phải làm việc không ngừng nghỉ để giải quyết hàng loạt tranh chấp biên giới với các nước cộng hòa Trung Á, Nga và những láng giềng khác (Ấn Độ là một ngoại lệ đáng chú ý). Tầm quan trọng của sự thay đổi này là rõ ràng. Đã không còn thời kỳ một quân đội hùng hậu luôn ngấp nghé Mãn Châu; trong thời kỳ chiến tranh Lạnh, sự hiện diện đáng ngại này đã buộc Mao phải đồ dòn ngân sách quốc phòng của Trung Quốc cho lực lượng bộ binh và sao lãng hải quân. Vạn Lý Trường Thành là một bằng chứng cho lịch sử luôn phải vật lộn với những cuộc xâm lược trên đất liền dưới nhiều hình thức của Trung Quốc từ thời xa xưa. Nhưng giờ đây tất cả đã là quá khứ.

Dân vãng vàng trên biển

Nhờ tình hình thuận lợi trên đất liền, Trung Quốc giờ đây có thể tự do tập trung xây dựng một lực lượng hải quân hùng hậu. Nếu như với các quốc gia nhỏ ven biển và các đảo quốc theo đuổi phát triển sức mạnh trên biển là điều tất yếu thì làm như vậy lại là một điều xa xỉ đối với những cường quốc lục địa lâu năm như Trung Quốc. Riêng trường hợp Trung Quốc, xa xỉ phẩm này có thể không quá khó đạt được khi địa hình bờ biển cũng thuận lợi không kém so với đất liền. Phần lãnh thổ của nước này chiếm hầu hết đường bờ biển Đông Á trong cả vùng ôn đới và nhiệt đới của Thái Bình Dương và biên giới phía nam Trung Quốc cũng đủ gần với Ấn Độ Dương để có thể kết nối với nhau bằng những tuyến đường bộ và ống dẫn nhiên liệu trong tương lai. Trong thế kỷ XXI, Trung Quốc sẽ mở rộng quyền lực cứng của mình ra thế giới bên ngoài chủ yếu bằng lực lượng hải quân.

Tuy nhiên, quốc gia này phải đối diện với một môi trường trên biển chông gai hơn nhiều so với trên đất liền. Hải quân Trung Quốc gần như không nhìn thấy được nhiều triển vọng nào khác ngoài những khó khăn trong khu vực mà nước này gọi là “chuỗi đảo thứ nhất”, gồm bán đảo Triều Tiên, đảo Kuril, Nhật Bản (bao gồm quần đảo Ryukyu), Đài Loan, Philippines, Indonesia, và Australia. Ngoại trừ Australia, tất cả những địa điểm còn lại đều có nguy cơ trở thành ngòi nổ xung đột. Đến nay, Trung Quốc đã bị vướng vào nhiều tranh chấp về chủ quyền ở những vùng đáy đại dương giàu năng lượng ở biển Hoa Đông và Biển Đông (Trung Quốc gọi là Nam Hải), cụ thể là với Nhật Bản ở đảo Điếu Ngư/Senkaku, với Philippines và Việt Nam ở Trường Sa. Những tranh chấp này tuy có thể giúp Bắc Kinh kích động chủ nghĩa dân tộc trong nước, nhưng với các nhà chiến lược hải quân, viễn cảnh trên biển này lại không mấy sáng sủa. Như mô tả của James Holmes và Toshi Yoshihara từ Học viện Hải chiến Hoa Kỳ [US Naval War College], chuỗi đảo thứ nhất là một dạng “Vạn Lý Trường Thành ngược”, tức là giống như một vòng vây hiệu quả của các đồng minh Mỹ, với

mỗi bên đóng vai trò như một tháp canh giám sát và thậm chí có thể ngăn chặn Trung Quốc tiếp cận với Thái Bình Dương.

Phản ứng của Trung Quốc trước cảm giác bị giam hãm này đôi khi rất quyết liệt. Sức mạnh trên biển thường ôn hòa hơn so với trên bộ, bởi hải quân không thể một mình xâm chiếm những vùng rộng lớn và nhiệm vụ phải đảm nhận không đơn thuần là chiến đấu (ví dụ như bảo vệ hoạt động giao thương). Do đó, người ta hẳn đã trông chờ Trung Quốc sẽ ôn hòa như những quốc gia biển trước đó, điển hình là Venice, Anh, hay Mỹ, và cũng như các nước này, sẽ tự quan tâm hàng đầu tới việc bảo vệ sự ổn định của hệ thống hàng hải, bao gồm cả lưu thông thương mại tự do. Nhưng Trung Quốc lại không tự tin đến như vậy. Do vẫn chưa là một cường quốc biển vững vàng, quốc gia này nhìn nhận đại dương dưới góc nhìn lãnh thổ, ngay từ cách gọi “chuỗi đảo thứ nhất” và “chuỗi đảo thứ hai” (gồm các vùng lãnh thổ Guam và quần đảo Bắc Mariana của Mỹ) đã cho thấy người Trung Quốc coi đây là những không gian đảo mở rộng của lãnh thổ Trung Quốc rộng lớn. Với cách tính toán theo kiểu “tổng tất cả bằng không” như vậy với những vùng biển gần kề, các nhà chỉ huy hải quân Trung Quốc đang cho thấy dấu hiệu đi theo học thuyết hiệu chiến của chiến lược gia hải quân Mỹ thời kỳ đầu thế kỷ XX Alfred Thayer Mahan về ủng hộ kiểm soát biển và các cuộc chiến mang tính quyết định. Tuy nhiên, họ vẫn chưa sở hữu lực lượng hải quân đủ mạnh để áp dụng học thuyết này, và hệ quả của sự chênh lệch giữa tham vọng và tiềm lực là một số sự cố vụng về trong vài năm gần đây. Vào tháng 10/2006, một tàu ngầm Trung Quốc bám theo tàu USS *Kitty Hawk* và sau đó nổi lên trong tầm bắn ngư lôi của tàu Mỹ. Vào tháng 11/2007, tàu Trung Quốc đã từ chối cho đội tàu sân bay *Kitty Hawk* tiến vào Cảng Victoria khi tàu này đang tìm nơi neo đậu tránh biển động và thời tiết xấu. (Dù vậy *Kitty Hawk* có ghé thăm Hong Kong năm 2010). Đến tháng 3/2009, một nhóm nhỏ tàu hải quân của PLA đã đe dọa tàu thăm dò của Mỹ USNS *Impeccable* khi tàu này đang hoạt động công khai bên ngoài ranh giới lãnh hải 12 hải lý của Trung Quốc ở Biển Đông, chặn đường tàu và làm động tác giả đâm tàu. Đây là những hành động không phải của một cường quốc chín chắn, mà mới chỉ của một cường quốc chưa trưởng thành.

Thái độ hung hăng trên biển của Trung Quốc cũng được thể hiện qua những hợp đồng mua vũ khí. Bắc Kinh đang phát triển khả năng bắt đối xứng với mục tiêu ngăn chặn Hải quân Mỹ tiến vào Biển Hoa Đông và những vùng biển ven Trung Quốc. Trung Quốc đã hiện đại hóa hạm đội tàu khu trục của mình và có kế hoạch sở hữu một hoặc hai chiếc tàu sân bay nhưng sẽ chưa thể có được tất cả các loại tàu chiến. Thay vào đó, nước này đã tập trung vào xây dựng các chủng loại mới của tàu ngầm thông thường, tàu ngầm tấn công hạt nhân và thậm chí tàu ngầm tên lửa đạn đạo. Theo Seth Cropsey, nguyên trợ lý thứ trưởng Hải quân Mỹ, và Ronald O'Rourke thuộc Bộ phận nghiên cứu thuộc Quốc hội, trong vòng 15 năm tới, Trung Quốc có thể sở hữu một lực lượng tàu ngầm lớn hơn của Hải quân Hoa Kỳ, vốn hiện đang có 75 tàu ngầm đang được triển khai. Không những vậy, Cropsey cho rằng, hải quân Trung Quốc có kế hoạch sử dụng các loại radar tầm xa, vệ tinh, mạng lưới

định vị sóng âm dưới đáy biển, và các hoạt động chiến tranh mạng nhằm phục vụ các tên lửa đạn đạo chống tàu (ASBM). Mục tiêu cuối cùng của những tiến bộ công nghệ này song song với sự phát triển nhanh chóng của hạm đội tàu ngầm Trung Quốc là nhằm ngăn chặn khả năng tiếp cận dễ dàng của Hải quân Hoa Kỳ vào những khu vực quan trọng phía Tây Thái Bình Dương.

Để thúc đẩy nỗ lực kiểm soát các vùng nước tại Eo biển Đài Loan và biển Hoa Đông, Trung Quốc cũng đang cải thiện khả năng tác chiến mìn của mình, mua sắm các máy bay chiến đấu thế hệ thứ tư của Nga, và triển khai khoảng 1.500 tên lửa đất đối không dọc bờ biển. Thêm vào đó, song song với việc đặt hệ thống cáp quang dưới lòng đất và dịch chuyển các lực lượng phòng thủ vào sâu trong lục địa phía Tây nhằm tránh tầm bắn tên lửa hải quân của những kẻ thù tiềm tàng, Trung Quốc còn đang phát triển một chiến lược tấn công nhằm tiêu diệt các tàu sân bay, biểu tượng sức mạnh của Mỹ.

Tất nhiên, Trung Quốc trong tương lai gần sẽ không tấn công tàu sân bay Mỹ, và nước này vẫn còn một con đường dài phía trước nếu muốn trực diện thách thức sức mạnh quân sự Hoa Kỳ. Nhưng mục tiêu của Trung Quốc là phát triển những năng lực này dọc đường bờ biển nhằm dập tắt ý định của Hải quân Hoa Kỳ tiếp cận theo ý muốn vào khu vực giữa chuỗi đảo thứ nhất và bờ biển Trung Quốc. Vì khả năng định hình hành vi của đối thủ là yêu cầu cốt lõi của quyền lực, đây sẽ là bằng chứng cho thấy một Đại Trung Hoa đang được hiện thực hóa trên biển giống như trên đất liền.

Yếu tố Đài Loan

Điều quan trọng nhất đối với sự ra đời của một Đại Trung Hoa chính là tương lai của Đài Loan. Vấn đề Đài Loan luôn được các bên bàn luận với những lý lẽ đạo đức: Bắc Kinh luôn rao giảng về tầm quan trọng của việc gìn giữ di sản các bậc tổ tông bao đời để lại cho đất nước và phải đoàn kết Trung Quốc vì lợi ích của toàn dân tộc Trung Hoa; trong khi Washington luôn bàn về việc phải bảo vệ nền dân chủ hiện đại này. Nhưng tất cả đều không phải là vấn đề thực chất. Như Tướng Douglas MacArthur của Mỹ đã từng mô tả, Đài Loan là một “chiếc tàu sân bay không thể chìm” đậu ngay bên hông Trung Quốc. Hai chiến lược gia hải quân Holmes và Yoshihara đã tính toán, từ đây, một cường quốc bên ngoài như Mỹ có thể “tỏa ra” sức mạnh dọc ngoại vi bờ biển Trung Quốc. Nếu Đài Loan trở về vòng tay của đại lục, hải quân Trung Quốc sẽ không chỉ bất ngờ có được vị trí chiến lược hết sức thuận lợi trong chuỗi đảo thứ nhất, mà còn rộng đường mở rộng sức mạnh vượt qua khu vực này, đạt đến một phạm vi lớn chưa từng thấy. Ngày nay người ta thường lạm dụng tính từ “đa cực” một cách tùy tiện khi mô tả trật tự thế giới mới, nhưng một trật tự quân sự đa cực thực sự ở Đông Á sẽ chỉ xuất hiện khi Đài Loan hợp nhất với Trung Quốc đại lục.

Theo một nghiên cứu của RAND năm 2009, đến năm 2020, Hoa Kỳ sẽ không còn đủ khả năng bảo vệ Đài Loan trước một cuộc tấn công của Trung Quốc. Bài viết cho rằng người

Trung Quốc đến thời điểm đó sẽ có thể đánh bại Mỹ trong một cuộc chiến trên Eo biển Đài Loan, ngay cả khi Mỹ có trong tay máy bay F-22, hai đội hàng không mẫu hạm tấn công, và vẫn còn quyền tiếp cận vào Căn cứ Không quân Kadena ở Okinawa của Nhật. Bài phân tích nhấn mạnh vào tầm quan trọng của phần không chiến. Đại lục có thể sẽ vẫn phải đổ bộ hàng vạn quân bằng đường biển và do đó dễ bị tàu ngầm Mỹ tấn công. Tuy nhiên bài viết cùng với những lời cảnh báo nêu trong đó, đã nêu bật một xu hướng đáng lo ngại. Trên thực tế, Trung Quốc chỉ cách Đài Loan 100 dặm, trong khi Mỹ phải triển khai sức mạnh quân sự cách đó nửa vòng trái đất, với quyền tiếp cận các căn cứ ở nước ngoài cũng hạn chế hơn rất nhiều so với trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh. Ý đồ của chiến lược chống tiếp cận của Hải quân Mỹ ở một số vùng biển nhất định không chỉ nhằm giữ chân quân Mỹ tránh xa Trung Quốc nói chung, mà cụ thể hơn, còn nhằm tăng cường vị thế áp đảo của nước này lên Đài Loan.

Bắc Kinh đang chuẩn bị vây hãm Đài Loan không chỉ về quân sự mà còn trong lĩnh vực kinh tế và xã hội. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu của khoảng 30% hàng hóa từ Đài Loan. Mỗi tuần có 270 chuyến bay thương mại hoạt động qua lại giữa Đài Loan và đại lục. Hai phần ba số lượng công ty Đài Loan đang đầu tư kinh doanh ở Trung Quốc trong vòng 5 năm qua. Hàng năm hòn đảo này đón tiếp khoảng nửa triệu khách du lịch đến từ đại lục, và có 750,000 người Đài Loan sống tại Trung Quốc 6 tháng mỗi năm. Khả năng hòa nhập ngày càng cao giữa hai bên có vẻ khả thi, nhưng vẫn chưa thể xác định ngay sự hòa nhập này sẽ diễn ra như thế nào, và đây cũng chính là yếu tố quyết định cho tương lai chính trị giữa các đại cường trong khu vực. Nếu Mỹ đơn giản chỉ bỏ rơi Đài Loan cho Bắc Kinh, thì Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines, Australia và các đồng minh khác của Mỹ trong khu vực Thái Bình Dương, cùng với Ấn Độ và thậm chí cả một số nước Châu Phi, sẽ bắt đầu nghi ngờ mức độ tin cậy của những lời cam kết từ Washington. Và điều đó có thể khuyến khích các quốc gia này xích lại gần hơn với Trung Quốc, mở đường cho sự trỗi dậy của một Đại Trung Hoa thực sự ở quy mô cả bán cầu.

Đây chính là một trong những nguyên nhân tại sao Washington và Đài Bắc cần phải xem xét những phương thức bất đối xứng nhằm đối phó với Trung Quốc về mặt quân sự. Mục tiêu ở đây không phải là đánh bại Trung Quốc trong cuộc chiến tranh trong tương lai trên Eo biển Đài Loan, mà là tạo ra viễn cảnh về một cuộc chiến quá đắt giá cho Bắc Kinh. Đến lúc đó, Hoa Kỳ có thể duy trì uy tín của mình với những đồng minh khác bằng cách duy trì Đài Loan độc lập cơ bản cho đến khi Trung Quốc trở thành một xã hội tự do hơn. Vì lẽ này mà tuyên bố của chính quyền Obama đầu năm 2010 về hợp đồng vũ khí trị giá 6,4 tỉ đô-la cho Đài Loan có tầm quan trọng quyết định đối với vị thế của Mỹ trước Trung Quốc cũng như trên toàn lục địa Á-Âu. Mục tiêu thay đổi Trung Quốc từ bên trong không hẳn là một giấc mơ quá xa vời khi hàng triệu du khách Trung Quốc đến Đài Loan có thể tiếp cận với những chương trình bàn luận chính trị sôi nổi và những đầu sách tuyên truyền “phản động” trong các cửa hàng sách tại đây. Và dù điều này nghe có vẻ khó tin, nhưng một Trung Quốc

dân chủ hơn thậm chí có thể trở thành một cường quốc bùng nổ hơn so với một Trung Quốc bị kìm kẹp, trên phương diện kinh tế cũng như kéo theo là quân sự.

Bên cạnh tập trung lực lượng vào Đài Loan, hải quân Trung Quốc còn tăng cường triển khai sức mạnh ở Biển Đông, cửa ngõ cho Trung Quốc tiến vào Ấn Độ Dương và con đường vận chuyển dầu khí của thế giới. Những thách thức về cướp biển, Hồi giáo cực đoan, và sự trỗi dậy của hải quân Ấn Độ nằm dọc trên con đường này, chưa kể những trở ngại trên còn nằm gần những vị trí “thắt cổ chai” mà một lượng lớn tàu buôn và tàu chở dầu của Trung Quốc buộc phải đi qua. Xét về tầm quan trọng chiến lược toàn diện, tương lai Biển Đông có thể được ví như một “Vịnh Ba Tư thứ hai”. Học giả về địa chính trị của thế kỷ XX Nicholas Spykman đã nhận định trong suốt chiều dài lịch sử, các cường quốc đều phải bước nào “cuộc bành trướng ra biển xa” để giành quyền kiểm soát ở những vùng biển gần. Hy Lạp từng tìm cách kiểm soát biển Aegean, La Mã đối với Địa Trung Hải, Mỹ với Caribe, và giờ đây là Trung Quốc trên Biển Đông. Spykman đã từng gọi Caribe là “Địa Trung Hải của Châu Mỹ” để nhấn mạnh tầm quan trọng của vùng biển này với Mỹ. Vì vậy, Biển Đông có thể trở thành “Địa Trung Hải của Châu Á” và là trái tim của nền địa chính trị trong những thập kỷ sắp tới.

Sự bất an trên biển

Tuy vậy, vẫn có một sự mâu thuẫn tồn tại ngay trong lòng những nỗ lực triển khai sức mạnh biển của Trung Quốc trong và thậm chí ngoài khu vực “Địa Trung Hải của Châu Á”. Một mặt, Trung Quốc tập trung ngăn cản các tàu lớn của Mỹ tiếp cận với những vùng biển kề cận. Mặt khác, bản thân nước này vẫn chưa đủ khả năng bảo vệ các tuyến đường lưu thông của mình trên biển, điều này có thể khiến mọi cuộc tấn công nhằm vào tàu chiến Mỹ trở nên vô hiệu. Bởi Mỹ đơn giản chỉ cần cắt đứt các nguồn cung cấp năng lượng của Trung Quốc bằng cách chặn đường các tàu chuyên chở của nước này trên biển Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. Tại sao lại phải tìm cách chống tiếp cận trong khi bản thân không có ý định đảm bảo hiệu lực của nó? Theo như cố vấn quốc phòng Jacqueline Newyer, Bắc Kinh đặt mục tiêu tạo ra “một vị thế quyền lực áp đảo” đến mức “họ sẽ không cần trực tiếp dùng đến sức mạnh quân sự để bảo vệ lợi ích của mình.” Tổ chức phổ biến các hệ thống vũ khí mới, xây dựng cơ sở cảng biển và những cứ điểm thu thập thông tin trên Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, viện trợ quân sự cho các quốc gia ven biển nằm giữa biên giới Trung Quốc và Ấn Độ Dương, tất cả đều không giấu diếm và đều nhằm phô trương sức mạnh có chủ đích. Thay vì chiến đấu trực diện với Mỹ, người Trung Quốc tìm cách định hình hành vi của Mỹ nhằm tránh một cuộc đối đầu giữa hai bên.

Mặc dù vậy, bên cạnh khía cạnh mềm như trên, dường như vẫn có khía cạnh cứng trong một số hoạt động hải quân của Trung Quốc. Trung Quốc đang cho xây dựng một căn cứ hải quân lớn trên mũi phía nam của đảo Hải Nam, nhắm thẳng vào trung tâm Biển Đông,

với các tiện nghi dưới lòng đất có khả năng cung cấp chỗ trú ẩn cho 20 tàu ngầm nguyên tử và điện-diesel. Đây là một thực thi chủ quyền theo kiểu Học thuyết Monroe đối với những vùng biển quốc tế gần kề. Có thể Trung Quốc không có ý định bước vào cuộc chiến với Mỹ vào thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai, nhưng những động cơ của nước này có thể thay đổi. Do đó, tốt hơn hết nên giám sát những khả năng quân sự của Trung Quốc.

Tình hình an ninh hiện nay ở vùng rìa lục địa Á-Âu về cơ bản phức tạp hơn so với thời kỳ những năm đầu Chiến tranh Thế giới lần thứ hai. Bá quyền Mỹ đang đi xuống và quy mô hải quân Hoa Kỳ bị thu hẹp hoặc ngưng mở rộng, cùng lúc kinh tế và quân sự Trung Quốc ngày một lớn mạnh, do vậy tính đa cực sẽ ngày càng định hình các mối quan hệ cường quốc ở Châu Á. Mỹ đang cung cấp cho Đài Loan 114 hệ thống tên lửa phòng không Patriot cùng với hàng chục hệ thống liên lạc quân sự cải tiến. Trung Quốc đang cho xây dựng các bến tàu ngầm dưới lòng đất ở đảo Hải Nam và phát triển tên lửa chống tàu. Nhật Bản và Hàn Quốc đang tiếp tục hiện đại hóa hạm đội của mình. Ấn Độ đang xây dựng một lực lượng hải quân hùng hậu. Tất cả các nước đều đang tìm cách điều chỉnh cán cân quyền lực nghiêng về phía mình.

Đây chính là nguyên nhân tại sao Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton đã không thực tâm hoặc sai lầm khi cho rằng đường lối chính trị cân bằng quyền lực là một di sản của quá khứ. Một cuộc chạy đua vũ trang đang diễn ra ở Châu Á, và nước Mỹ sẽ phải đối diện với thực tế này khi cắt giảm một lượng đáng kể quân đội ở Afghanistan và Iraq. Mặc dù không một quốc gia Châu Á nào mong muốn chiến tranh xảy ra, nhưng nguy cơ tính toán sai lầm trong cân bằng quyền lực sẽ ngày một tăng cao theo thời gian, tỷ lệ thuận với hoạt động tăng cường lực lượng hải quân và không quân trong khu vực (chỉ cần từ phía Trung Quốc và Ấn Độ cũng đã đủ đáng ngại). Những căng thẳng trên đất liền có thể đổ thêm dầu vào lửa cho tình hình trên biển: khoảng trống quyền lực mà Trung Quốc đang cố lấp đầy sẽ có lúc đẩy quốc gia này vào giai đoạn quan hệ không suôn sẻ với ít nhất là Nga và Ấn Độ. Những không gian hoang vu, vắng vẻ trước giờ đây đang trở nên ngày một chật hẹp với sự hiện diện của con người, đường xá, ống dẫn, tàu bè, và thậm chí tên lửa. Nhà khoa học chính trị Paul Bracken của Đại học Yale năm 1999 đã cảnh báo Châu Á đang trở thành một khu vực địa lý ngày càng thu hẹp và phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng về “không gian”. Kể từ đó đến nay, quá trình này chỉ ngày càng trầm trọng hơn.

Vậy liệu Mỹ có thể giúp giữ gìn sự ổn định ở Châu Á, bảo vệ những đồng minh của mình ở đây, và hạn chế một Đại Trung Hoa trỗi dậy trong khi vẫn có thể tránh được cuộc xung đột với Bắc Kinh? Có lẽ, chỉ nỗ lực cân bằng trên biển vẫn chưa đủ. Như lời một cựu quan chức cấp cao của Ấn Độ đã từng nói với tôi hồi đầu năm nay, những đồng minh chủ chốt của Mỹ ở Châu Á (như Ấn Độ, Nhật Bản, Singapore và Hàn Quốc) đều muốn Hải quân Mỹ và Không lực Mỹ cùng tham gia “đồng diễn” với lực lượng quân sự nước họ, để từ đó Mỹ sẽ trở thành một phần không thể thiếu trong cục diện của Châu Á, trên đất liền cũng như trên biển, chứ không đơn thuần một lực lượng náu mình nơi chân trời xa xôi. Có một sự

khác biệt lớn giữa việc mặc cả với Mỹ về những quyền đặt căn cứ, như Nhật Bản vẫn đang thực hiện thời gian gần đây, và việc muốn Mỹ rút toàn bộ quân ra khỏi lãnh thổ quốc gia.

Một kế hoạch đang được truyền tay ở Lầu Năm Góc cho rằng có một cách để Mỹ có thể “chống lại sức mạnh chiến lược của Trung Quốc ... mà không gây ra đối đầu quân sự trực tiếp”, đó là giảm số lượng tàu trong hạm đội Hoa Kỳ xuống còn 250 chiếc (thay vì 280 chiếc như hiện nay) và cắt giảm 15% chi tiêu quốc phòng. Kế hoạch này, do vị đại tá thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đã về hưu Pat Garrett xây dựng, có ý nghĩa hết sức lớn bởi nó giới thiệu tầm quan trọng chiến lược của Châu Đại Dương vào bài toán đại lục Á-Âu. Các đảo Guam và Caroline, Marshall, Northern Mariana, và Solomon đều là lãnh thổ của Mỹ, hoặc thuộc nhóm quốc gia phụ thuộc có thỏa thuận quốc phòng với Hoa Kỳ, hoặc là những quốc gia độc lập sẵn sàng chào đón những thỏa thuận như vậy. Châu Đại Dương sẽ ngày càng trở nên quan trọng do khu vực này có vị trí gần với Đông Á và lại nằm ngoài vùng Trung Quốc muốn ngăn chặn khả năng tiếp cận dễ dàng của tàu chiến Mỹ. Guam cách Bắc Triều Tiên chỉ 4 giờ bay và có thể đến được Đài Loan chỉ sau hai ngày nhỏ neo. Việc Mỹ duy trì các căn cứ ở Châu Đại Dương trong tương lai sẽ ít gây lo ngại hơn so với tiếp tục đóng quân ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Philippines.

Căn cứ Không quân Andersen trên đảo Guam hiện nay đã là bãi đậu máy bay có ưu thế tốt nhất, từ đây Hoa Kỳ có thể triển khai sức mạnh cứng đến bất cứ nơi nào. Với 100.000 đầu bom và tên lửa, và một kho chứa 66 triệu gallon nhiên liệu máy bay, đây chính là nơi có cơ sở tiếp liệu chiến lược lớn nhất của Không quân Mỹ. Những hàng dài các máy bay C-17 Globemasters và F/A-18 Hornets xếp kín bên các đường băng của căn cứ. Guam còn là nơi trú ngụ của một liên đội tàu ngầm Mỹ và đang được mở rộng thành một căn cứ hải quân. Khoảng cách từ Guam và đảo Northern Marina gần đó đến Nhật Bản và Eo biển Malacca gần như bằng nhau. Từ vị trí mũi phía tây nam của Châu Đại Dương, cụ thể là những điểm neo đậu tàu ngoài khơi của các đảo Ashmore, đảo nhỏ Cartier thuộc sở hữu của Australia và chính bờ biển phía tây Australia (từ Darwin đến Perth), Mỹ có thể giám sát lên phía quần đảo Indonesia và thẳng qua khu vực Ấn Độ Dương. Do đó, theo như kế hoạch của Garrett, Hải quân và Không quân Mỹ có thể tận dụng đặc điểm địa lý của Châu Đại Dương để thiết lập “sự hiện diện cơ động trong khu vực” nằm “ngay bên kia đường chân trời” tính từ đường biên giới không chính thức của Đại Trung Hoa và các tuyến đường hàng hải của đại lục Á-Âu. (Cụm từ “sự hiện diện cơ động trong khu vực” [regional presence in being] mượn cách diễn đạt của khái niệm “hạm đội cơ động” [fleet in being] của lịch sử gia hải quân Anh Sir Julian Corbett hơn 100 năm trước dùng để chỉ một nhóm tàu hoạt động rải rác có thể nhanh chóng tập hợp lại thành một đội tàu thống nhất khi cần thiết. “Ngay bên kia đường chân trời” là sự kết hợp giữa việc cân bằng lực lượng từ xa và tham gia trực tiếp vào một cấu trúc hòa hợp quyền lực.)

Củng cố sự hiện diện của Mỹ trên không và trên biển ở Châu Đại Dương sẽ là một biện pháp trung hòa giữa việc chống lại một Đại Trung Hoa bằng mọi giá và việc chấp nhận

một tương lai trong đó hải quân Trung Quốc kiểm soát chuỗi đảo thứ nhất. Cách tiếp cận này sẽ đảm bảo Trung Quốc phải trả giá đắt cho mọi hành động xâm lược Đài Loan. Nó cũng cho phép Mỹ thu hẹp quy mô của những “căn cứ di sản” (“legacy bases”) trên chuỗi đảo thứ nhất nhưng đảm bảo tàu và máy bay Mỹ vẫn có thể tiếp tục tuần tra trong khu vực.

Kế hoạch của Garrett cũng phác thảo một công cuộc mở rộng ảnh hưởng các hoạt động hải quân Mỹ trên Ấn Độ Dương. Dù không có ý định mở rộng những căn cứ hiện tại của Mỹ, nhưng kế hoạch dự tính sẽ dựa vào những hạ tầng cơ yếu trên đảo Andaman, Comoros, Maldives, Mauritius, Réunion, và Seychelles (một số đảo trong đó đang do Pháp và Ấn Độ điều hành trực tiếp và gián tiếp), đồng thời dựa vào các hiệp ước quốc phòng với Brunei, Malaysia và Singapore. Điều này sẽ giúp bảo đảm tự do hàng hải và các tuyến đường vận chuyển năng lượng không gặp trở ngại trên khắp lục địa Á-Âu. Bằng cách giảm dần vai trò của các căn cứ hiện tại của Mỹ ở Nhật Bản và Hàn Quốc, cũng như đa dạng hóa “dấu chân” của Hoa Kỳ khắp Châu Đại Dương, kế hoạch này sẽ xóa bỏ những căn cứ “đầu não” dễ bị tấn công.

Nhưng dù sao đi nữa, khả năng bám trụ của Mỹ trên chuỗi đảo thứ nhất cũng đang bắt đầu lỏng lẻo. Người dân tại đây đã dần mất thiện cảm với sự hiện diện của quân đội nước ngoài ngay giữa cộng đồng bản xứ. Và sự lớn mạnh của Trung Quốc khiến Bắc Kinh vừa trở nên đáng ngại, vừa có sức hút, và cảm xúc pha trộn này sẽ có lúc làm phức tạp hóa các mối quan hệ song phương giữa Mỹ và đồng minh ở Thái Bình Dương. Và thời điểm ấy đã đến. Quan hệ Mỹ - Nhật hiện nay đang rơi vào giai đoạn khó khăn từ khi chính quyền non yếu của Hataoyama yêu cầu soạn thảo lại những quy ước của mối quan hệ song phương theo hướng có lợi cho phía Nhật, mặt khác bắt đầu thảo luận về phát triển sâu sắc hơn mối hợp tác với Trung Quốc. Cuộc khủng hoảng này đáng lẽ đã xảy ra từ nhiều năm trước. Ngôi vị bá chủ vô song trên Thái Bình Dương mà Mỹ vẫn còn nắm giữ đến ngày nay là một di sản đã hết thời hạn từ Thế chiến thứ hai, một hệ lụy từ những tàn phá mà Trung Quốc, Nhật và Philippines phải gánh chịu trong cuộc chiến. Sự hiện diện của Mỹ trên bán đảo Triều Tiên, sản phẩm phụ của cuộc chiến tranh (Triều Tiên) đã kết thúc từ hơn nửa thế kỷ trước, cũng không thể kéo dài mãi mãi.

Một Đại Trung Hoa có thể sẽ trỗi dậy cả về chính trị, kinh tế hay quân sự ở Trung Á, trên Ấn Độ Dương, ở Đông Nam Á, và khắp khu vực phía Tây Thái Bình Dương. Nhưng bao bọc ngay bên ngoài phạm vi mới này là một giàn tàu chiến Mỹ, rất nhiều trong số đó có sở chỉ huy đặt trên Châu Đại Dương và phối hợp với các lực lượng hải quân của Ấn Độ, Nhật Bản và những nền dân chủ khác. Và cuối cùng, khi sự tự tin của Trung Quốc ngày càng được củng cố, lực lượng hải quân của nước này sẽ đủ khả năng áp dụng một cách tiếp cận ít liên quan hơn đến vấn đề lãnh thổ và sẽ tự động bị cuốn vào một liên minh hải quân khu vực.

Cho đến lúc đó, chúng ta cũng cần phải lưu ý rằng, trên khía cạnh quân sự, mối quan hệ giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ ổn định hơn so với giữa Mỹ và Liên Xô trước đây, như nhà

khoa học chính trị Robert Ross vào năm 1999 đã chỉ rõ. Nguyên nhân chính là do đặc điểm địa lý đặc biệt của Đông Á. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, chỉ một mình lực lượng hải quân Mỹ không đủ sức kiềm chế Liên Xô, mà còn cần phải triển khai thêm đội quân trên bộ hùng hậu trên lục địa Châu Âu. Nhưng Mỹ sẽ không bao giờ cần đến một lực lượng như vậy bao vây rìa lục địa Á-Âu, bởi ngay cả khi giảm hiện diện quanh biên giới trên bộ của Đại Trung Hoa, Hải quân Mỹ vẫn hùng mạnh hơn Hải quân Trung Quốc.

Tuy vậy, trong những năm tới, có một thực tế không thể phủ nhận là sức mạnh quân sự và kinh tế của Trung Quốc vẫn đang ngày một vững mạnh và nó sẽ làm gia tăng căng thẳng giữa hai bên. Diễn giải theo ý của Mearsheimer, Mỹ, bá chủ Tây bán cầu, sẽ tìm cách ngăn chặn Trung Quốc trở thành bá chủ trên phần lớn Đông bán cầu. Và điều này có thể sẽ là một câu chuyện đáng chú ý của thời đại.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: nghiencuuquocte@gmail.com.